



Bản tin Thuế

Quý I năm 2017

< Cập nhật những quy định mới về chính sách nhà nước liên quan đến doanh nghiệp >



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Trong số này:

Văn bản mới

Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán	1 - 2
Thông tư 06/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013	3
Thông tư 20/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn về thuế tiêu thụ đặc biệt	3 - 4
Quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết	4 - 7

Văn bản hướng dẫn

Thuế GTGT đối với DN chế xuất có hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam	7
Hoàn thuế GTGT đầu vào trước ngày 01/07/2016	7
Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT	7
Xác định người phụ thuộc khi tính thuế TNCN	8
Thuế GTGT đối với hàng cho, biếu, tặng từ quỹ phúc lợi	8
Cấp hóa đơn cho doanh nghiệp sau giải thể, phá sản	8
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong công ty cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài	8
Quy đổi thu nhập khi tính thuế TNCN	9
Hoàn thuế GTGT khi chưa góp đủ vốn điều lệ	9
Thay đổi kỳ kê khai thuế GTGT	9
Thuế thu nhập cá nhân từ tiền thưởng khuyến khích hiệu quả	10
Thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất	10
Các khoản chi mang tính phúc lợi trong doanh nghiệp	10
Kê khai thuế GTGT đối với trường hợp mua hàng trả chậm	11

Nghị định 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán



Ngày 30/12/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán thay thế Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 và Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ.

Dưới đây là một số điểm đáng lưu ý được quy định tại Nghị định:

❖ Thời hạn lưu trữ chứng từ kế toán

- Tài liệu kế toán phải lưu trữ tối thiểu 5 năm (Điều 12)

Chứng từ kế toán không sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính như phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho không lưu trong tập tài liệu kế toán của bộ phận kế toán.

- Tài liệu kế toán phải lưu trữ tối thiểu 10 năm (Điều 13)

Chứng từ kế toán sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính, các bảng kê, bảng tổng hợp chi tiết, các sổ kế toán chi tiết, các sổ kế toán tổng hợp, báo cáo tài chính tháng, quý, năm của đơn vị kế toán, báo cáo quyết toán, báo cáo tự kiểm tra kế toán, biên bản tiêu hủy tài liệu kế toán lưu trữ và tài liệu khác sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính;

Tài liệu kế toán liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; báo cáo kết quả kiểm kê và đánh giá tài sản;

Tài liệu kế toán liên quan đến thành lập, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc chuyển đổi đơn vị, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, kết thúc dự án;

- Tài liệu kế toán phải lưu trữ vĩnh viễn

Đối với đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước, tài liệu kế toán phải lưu trữ vĩnh viễn gồm Báo cáo tổng quyết toán ngân sách nhà nước năm đã được Quốc hội phê chuẩn, Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân các cấp phê chuẩn; Hồ sơ, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thuộc nhóm A, dự án quan trọng quốc gia; Tài liệu kế toán khác có tính sử liệu, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, an ninh, quốc phòng;

Đối với hoạt động kinh doanh, tài liệu kế toán phải lưu trữ vĩnh viễn gồm các tài liệu kế toán có tính sử liệu, có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, an ninh, quốc phòng.

❖ Những người không được làm kế toán

Các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 52 Luật kế toán, gồm:

- Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích.

Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đại diện theo pháp luật, của người đứng đầu, của GD hoặc TGD và của cấp phó của người đứng đầu, PGD hoặc PTGD phụ trách công tác tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng một đơn vị kế toán, trừ DNTN, công ty TNHH do một cá nhân làm chủ sở hữu, doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn Nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Người đang làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản trong cùng một đơn vị kế toán, trừ trường hợp trong cùng DNTN, công ty TNHH do một cá nhân làm chủ sở hữu và các doanh nghiệp thuộc loại hình khác không có vốn Nhà nước và là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ Tiêu chuẩn và điều kiện của kế toán trưởng, phụ trách kế toán

Kế toán trưởng, phụ trách kế toán phải có các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 54 Luật kế toán và không thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Kế toán trưởng phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này;

...

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

d) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 03 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, người được bố trí là phụ trách kế toán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đảm bảo có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 54 Luật kế toán;

Nội dung chi tiết xem tại Nghị định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017

Thông tư 06/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013

Ngày 20/01/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 06/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC) như sau:



“1. Trường hợp người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng chưa được thanh toán nên không nộp thuế đúng thời hạn dẫn đến nợ thuế thì không thực hiện cưỡng chế thuế và không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế còn nợ nhưng không vượt quá số tiền ngân sách nhà nước chưa thanh toán phát sinh trong thời gian ngân sách nhà nước chưa thanh toán.”

Thông tư có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

Thông tư 20/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn về thuế tiêu thụ đặc biệt



Ngày 06/03/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 20/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính) như sau:

“Người nộp thuế TTĐB đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước. Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế TTĐB tính được ở khâu bán ra trong nước. Đối với số thuế TTĐB không được khấu trừ thuế, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều kiện khấu trừ thuế TTĐB được quy định như sau:

- Đối với trường hợp nhập khẩu nguyên liệu chịu thuế TTĐB để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB và trường hợp nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB thì chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là chứng từ nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu.
- Đối với trường hợp mua nguyên liệu trực tiếp của nhà sản xuất trong nước:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa, trong hợp đồng phải có nội dung thể hiện hàng hóa do cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất; Bản sao Giấy chứng nhận kinh doanh của cơ sở bán hàng (có chữ ký, đóng dấu của cơ sở bán hàng).
- Chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là hóa đơn GTGT khi mua hàng. Số thuế TTĐB mà đơn vị mua hàng đã trả khi mua nguyên liệu được xác định = giá tính thuế TTĐB nhân (x) thuế suất thuế TTĐB; trong đó:

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá mua chưa có thuế GTGT (thể hiện trên hóa đơn GTGT)} - \text{Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

Việc khấu trừ tiền thuế TTĐB được thực hiện khi kê khai thuế TTĐB, thuế TTĐB phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số thuế TTĐB phải nộp} = \text{Số thuế TTĐB của hàng hóa chịu thuế TTĐB được bán ra trong kỳ.} - \text{Số thuế TTĐB đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu nhập khẩu hoặc số thuế TTĐB đã trả ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ.}$$

Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế TTĐB đã nộp (hoặc đã trả) cho số nguyên vật liệu tương ứng với số sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tính số thuế TTĐB được khấu trừ và sẽ xác định theo số thực tế vào cuối quý, cuối năm. Trong mọi trường hợp, số thuế TTĐB được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế TTĐB tính cho phần nguyên liệu theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm. Cơ sở sản xuất phải đăng ký định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm với cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở.

Đối với các doanh nghiệp được phép sản xuất xăng E5, E10, việc kê khai nộp thuế, khấu trừ thuế TTĐB được thực hiện tại cơ quan thuế địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính. Số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết trong kỳ của xăng E5, E10 được bù trừ với số thuế TTĐB phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác."

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/04/2017

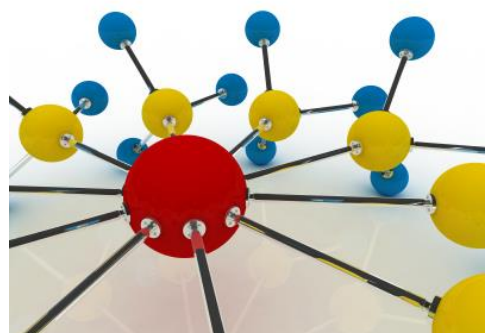
Quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Ngày 24/02/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý của Nghị định:

❖ Các bên có quan hệ liên kết (bên liên kết)

1. Các bên liên kết là các bên có mối quan hệ thuộc một trong các trường hợp:



- a) Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia;
- b) Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.

2. Các bên liên kết tại khoản 1 Điều này được quy định cụ thể như sau:

- a) Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;
- b) Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;
- c) Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia, nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;
- d) Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;
- e) Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;
- f) Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;
- g) Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, ông nội, bà nội, cháu nội, ông ngoại, bà ngoại, cháu ngoại, cô, chú, bác, cậu, dì ruột và cháu ruột;
- h) Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- i) Một hoặc nhiều doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;
- j) Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia.

❖ Các trường hợp người nộp thuế được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết

Người nộp thuế được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:

- a) Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;
- b) Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá. Các giao dịch liên kết không thuộc phạm vi áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá, người nộp thuế có trách nhiệm kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;
- c) Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:
 - Phân phối: Từ 5% trở lên;
 - Sản xuất: Từ 10% trở lên;
 - Gia công: Từ 15% trở lên.

Trường hợp người nộp thuế không áp dụng theo mức tỷ suất lợi nhuận thuần quy định tại điểm này thì phải lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định.

❖ Quyền hạn ấn định của cơ quan thuế trong phát sinh giao dịch liên kết

Cơ quan thuế có quyền ấn định mức giá; tỷ suất lợi nhuận; tỷ lệ phân bổ lợi nhuận được sử dụng để kê khai tính thuế, ấn định thu nhập chịu thuế hoặc số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết trong kỳ tính thuế căn cứ các thông tin, dữ liệu và phân tích đánh giá của Cơ quan thuế, trong các trường hợp người nộp thuế có các hành vi vi phạm pháp luật về xác định giá giao dịch liên kết sau:

- a) Người nộp thuế không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Người nộp thuế cung cấp không đầy đủ thông tin Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết quy định tại Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này hoặc không xuất trình Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các dữ liệu, chứng từ và tài liệu được sử dụng làm căn cứ phân tích so sánh, xác định giá tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo yêu cầu của Cơ quan thuế trong thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

- c) Người nộp thuế sử dụng các thông tin về giao dịch độc lập không trung thực, không đúng thực tế để phân tích so sánh, kê khai xác định giá giao dịch liên kết hoặc dựa vào các tài liệu, dữ liệu và chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để xác định mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận áp dụng cho giao dịch liên kết;
- d) Người nộp thuế có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 11 Nghị định này.

Nội dung chi tiết xem tại Nghị định.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/05/2017

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thuế GTGT đối với DN chế xuất có hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam



Trường hợp doanh nghiệp chế xuất được cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam (gọi là quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu) phải mở sổ kế toán hạch toán riêng doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa tại Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế nội địa để kê khai nộp thuế GTGT riêng đối với hoạt động này.

Công văn số 1156/TCT-CS ngày 29/03/2017 của Tổng cục Thuế

Hoàn thuế GTGT đầu vào trước ngày 01/07/2016

Trước ngày 01/07/2016, trường hợp cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết lũy kế chưa đủ mười hai tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc chưa đủ bốn quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ thì không được hoàn thuế mà thực hiện khấu trừ vào kỳ tiếp theo.



Công văn số 1067/TCT-CS ngày 24/03/2017 của Tổng cục Thuế

Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT

Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, sản xuất kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Công văn số 963/TCT-CS ngày 20/03/2017 của Tổng cục Thuế

Xác định người phụ thuộc khi tính thuế TNCN



Trường hợp ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột mà cá nhân người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không thỏa mãn điều kiện là cá nhân không nơi nương tựa thì không đủ điều kiện để người nộp thuế thu nhập cá nhân tính giảm trừ gia cảnh khi tính thuế thu nhập cá nhân.

Công văn số 901/TCT-TNCN ngày 15/03/2017 của Tổng cục Thuế

Thuế GTGT đối với hàng cho, biếu, tặng từ quỹ phúc lợi

Trường hợp Công ty sử dụng sản phẩm do chính Công ty sản xuất ra hoặc hàng hóa do Công ty mua về với mục đích để bán, sau đó sử dụng một phần để cho, biếu, tặng cán bộ công nhân viên của Công ty trong dịp lễ, tết và trang trải bằng quỹ phúc lợi thì Công ty được kê khai khấu trừ thuế GTGT theo quy định và phải xuất hóa đơn, tính nộp thuế GTGT như trường hợp bán hàng hóa cho khách hàng.



Trường hợp Công ty sử dụng quỹ phúc lợi mua hàng hóa từ bên ngoài để cho, biếu, tặng cán bộ, công nhân viên của Công ty trong dịp lễ, tết không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Khi xuất hàng hóa nêu trên để cho, biếu, tặng cán bộ, công nhân viên, Công ty không phải lập hóa đơn và không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Công văn số 834/TCT-DNL ngày 14/03/2017 của Tổng cục Thuế

Cấp hóa đơn cho doanh nghiệp sau giải thể, phá sản

Cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ là loại hóa đơn bán hàng cho doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã quyết toán thuế, đã đóng mã số thuế, phát sinh thanh lý tài sản cần có hóa đơn để giao cho người mua.

Công văn số 710/TCT-CS ngày 03/03/2017 của Tổng cục Thuế

Thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong công ty cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài



Trường hợp các cổ đông là các tổ chức nước ngoài hoạt động không theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng thì thực hiện nộp thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng vốn theo hướng dẫn tại Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC

Công văn số 664/TCT-CS ngày 01/03/2017 của Tổng cục Thuế

Quy đổi thu nhập khi tính thuế TNCN



Trường hợp người lao động nước ngoài ký hợp đồng lao động với Công ty nhận thu nhập không bao gồm thuế TNCN và được Công ty trả thay tiền bảo hiểm y tế, tiền thuê nhà và tiền thuế TNCN, khi xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi thì:

- Đối với khoản tiền bảo hiểm y tế được Công ty trả thay là thu nhập được cộng vào đồng thời cũng được trừ ra trong công thức xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi do khoản bảo hiểm y tế là khoản giảm trừ.
- Đối với khoản tiền thuê nhà được Công ty trả thay tính vào thu nhập làm căn cứ quy đổi theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị.

Công văn số 2037/BTC-TCT ngày 16/02/2017 của Bộ Tài chính

Hoàn thuế GTGT khi chưa góp đủ vốn điều lệ

Trường hợp Công ty tính đến ngày nộp hồ sơ hoàn thuế Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ, tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Công ty đang trong tiến độ góp vốn thì Công ty được hoàn thuế GTGT theo quy định tại điểm 2 khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính nếu thực hiện theo đúng tiến độ góp vốn đã ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.



Công văn số 361/TCT-CS ngày 02/02/2017 của Tổng cục Thuế

Thay đổi kỳ kê khai thuế GTGT



Trường hợp Công ty trong chu kỳ kê khai theo tháng, Công ty xác định thuộc đối tượng được kê khai theo quý do đáp ứng điều kiện có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, Công ty đủ điều kiện để khai thuế giá trị gia tăng theo quý của chu kỳ ổn định thì Công ty được lựa chọn hình thức

Trường hợp Công ty trong chu kỳ kê khai theo tháng, Công ty xác định thuộc đối tượng được kê khai theo quý do đáp ứng điều kiện có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống, Công ty đủ điều kiện để khai thuế giá trị gia tăng theo quý của chu kỳ ổn định thì Công ty được lựa chọn hình thức

Công văn số 360/TCT-KK ngày 02/02/2017 của Tổng cục Thuế

Thuế thu nhập cá nhân từ tiền thưởng khuyến khích hiệu quả

Trừ các tiền thưởng nêu tại điểm e, Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì các khoản tiền thưởng khác là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Đối với khoản tiền thưởng khuyến khích hiệu quả cho tập thể đơn vị mà tổ chức phân bổ cho cá nhân trong đơn vị thì khoản thu nhập này là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.



Công văn số 281/TCT-TNCN ngày 23/01/2017 của Tổng cục Thuế

Thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất



Trường hợp Công ty được UBND tỉnh, thành phố cho thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp, Công ty ký hợp đồng với doanh nghiệp chế xuất (thuộc Khu công nghiệp và có tường rào bao quanh Khu công nghiệp) để cung cấp các dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng và các dịch vụ: duy trì chăm sóc cây xanh, vận hành hệ thống tiêu thoát nước mưa, thu gom vận chuyển rác thải, dịch vụ bảo vệ, điện thắp sáng... thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% của dịch vụ xuất khẩu nếu đáp ứng được các điều kiện nêu tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Công văn số 224/TCT-CS ngày 18/01/2017 của Tổng cục Thuế

Các khoản chi mang tính phúc lợi trong doanh nghiệp

Doanh nghiệp tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế.

Đối với doanh nghiệp Nhà nước, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước trong năm có các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động đã tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định nêu trên, nếu doanh nghiệp có trích lập quỹ phúc lợi theo quy định thì cần đảm bảo nguyên tắc một khoản chi phúc lợi không hạch toán trùng từ hai nguồn (tính vào chi phí và nguồn quỹ phúc lợi).



Công văn số 158/TCT-CS ngày 12/01/2017 của Tổng cục Thuế



Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua Ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời hạn thanh toán ghi trong hợp đồng cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua Ngân hàng thì cơ sở kinh doanh chưa phải điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã kê khai khấu trừ đến khi thanh toán thực tế, cơ sở kinh

doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã được khấu trừ tương ứng với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán thực tế.

Công văn số 06/TCT-CS ngày 03/01/2017 của Tổng cục Thuế

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Lê Thành Công

Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: + 84 4 3 2000 162
Mobile: 0913 535 125
Email: lecong@atcf.vn

Ông Phan Thanh Quân

Phó Tổng Giám đốc
Kiểm duyệt nội dung

Tel: + 84 4 3 2000 162
Mobile: 0983 61 21 81
Email: quanpt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy

Trưởng phòng kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: + 84 4 3 2000 162
Mobile: 0989 204 959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Tòa nhà ATC, Lô D12, Khu đấu giá quyền sử dụng đất, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: + 84 4 3 2000 162
Fax: + 84 4 3 2000 163
Website: atcf.vn

Chi nhánh: Thành phố HCM, Hà Thành

VPĐD : Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương, Thanh Hóa

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2017 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited